

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc tự chủ xác định và phê duyệt số lượng tuyển sinh năm 2026
theo nhóm ngành, nghề đào tạo, trình độ đào tạo của
Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 361/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định quy định trình tự, thủ tục thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên, cấp phép hoạt động trong lĩnh vực giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ kết luận của Đảng ủy Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội về chủ trương công tác tuyển sinh và định hướng phát triển ngành, nghề đào tạo năm 2026;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt số lượng tuyển sinh năm 2026 sau khi tự xác định đối với các ngành, nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp của Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội tại các cơ sở đào tạo.

a) Tại trụ sở chính: Số 131 phố Thái Thịnh, phường Đống Đa, thành phố Hà Nội

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	Nhóm ngành, nghề Mỹ thuật ứng dụng			
1	Thiết kế đồ họa	6210402	105	Cao đẳng

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
		5210402	40	Trung cấp
II	Nhóm ngành, nghề Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài			
1	Tiếng Trung Quốc	6220209	50	Cao đẳng
2	Tiếng Hàn Quốc	6220211	50	Cao đẳng
3	Tiếng Nhật	6220212	50	Cao đẳng
III	Nhóm ngành, nghề Báo chí và truyền thông			
1	Truyền thông đa phương tiện	6320106	30	Cao đẳng
IV	Nhóm ngành, nghề Kế toán - Kiểm toán			
1	Kế toán doanh nghiệp	6340302	25	Cao đẳng
		5340302	30	Trung cấp
V	Nhóm ngành, nghề Máy tính			
1	Truyền thông và mạng máy tính	5480104	25	Trung cấp
VI	Nhóm ngành, nghề Công nghệ thông tin			
1	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	6480202	100	Cao đẳng
		5480202	100	Trung cấp
2	Lập trình máy tính	6480207	25	Cao đẳng
VII	Nhóm ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí			
1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201	150	Cao đẳng
		5510201	25	Trung cấp
2	Công nghệ ô tô	6510216	625	Cao đẳng
		5510216	30	Trung cấp
3	Công nghệ hàn	5510217	30	Trung cấp
VIII	Nhóm ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	6510304	125	Cao đẳng
2	Công nghệ điện tử và năng lượng tòa nhà	5510314	25	Trung cấp
IX	Nhóm ngành, nghề Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật			
1	Cắt gọt kim loại	6520121	20	Cao đẳng
		5520121	20	Trung cấp
2	Kỹ thuật lập trình, gia công trên máy CNC	6520197	25	Cao đẳng
X	Nhóm ngành, nghề Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			
1	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	105	Cao đẳng
		5520205	20	Trung cấp
2	Điện công nghiệp	5520227	20	Trung cấp
3	Cơ điện tử	5520263	25	Trung cấp
4	Tự động hóa công nghiệp	5520264	25	Trung cấp
XI	Nhóm ngành, nghề Du lịch			
1	Du lịch lữ hành	5810101	50	Trung cấp
2	Hướng dẫn du lịch	6810103	30	Cao đẳng
		5810103	30	Trung cấp
XII	Nhóm ngành, nghề Khách sạn, nhà hàng			
1	Kỹ thuật chế biến món ăn	6810207	75	Cao đẳng
		5810207	60	Trung cấp
XIII	Nhóm ngành, nghề Dịch vụ thẩm mỹ			
1	Kỹ thuật chăm sóc tóc	5810403	25	Trung cấp
2	Chăm sóc sắc đẹp	6810404	25	Cao đẳng
		5810404	85	Trung cấp

b) Tại địa điểm đào tạo: Số 32 phố Trung Văn, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	Nhóm ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	165	Cao đẳng
2	Công nghệ điện tử và năng lượng tòa nhà	6510314	25	Cao đẳng
II	Nhóm ngành, nghề Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			
1	Điện tử công nghiệp	6520225	120	Cao đẳng
2	Điện công nghiệp	6520227	275	Cao đẳng
3	Tự động hóa công nghiệp	6520264	220	Cao đẳng

c) Quyết định này trên cơ sở giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 17/2026/GCNĐKHĐ-GDNNGDTX ngày 30/03/2026 do Cục giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên cấp./.

Điều 2. Giao Phòng Đào tạo & Quản lý HSSV chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện tuyển sinh đúng số lượng đã phê duyệt, tuân thủ giới hạn thực tuyển không vượt quá 120% theo nhóm ngành, nghề, thực hiện cập nhật CSDL chuyên ngành của Bộ GD&ĐT và công khai thông tin tuyển sinh theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành quyết định.

Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo & Quản lý HSSV, Trưởng các Khoa, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám Hiệu;
- Websites
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Hương